

VẤN ĐỀ TÊN GỌI, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI KỲ 1936 - 1939

PHẠM HỒNG TUNG*

1. Đặt vấn đề

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Đoàn TNCS Hồ Chí Minh) là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam, ra đời và phát triển với tính chất là một trong những tổ chức quần chúng của Đảng Cộng sản Việt Nam và do Đảng trực tiếp lãnh đạo. Trong lịch sử hoạt động 90 năm qua của mình, do yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ cách mạng, Đoàn đã nhiều lần đổi tên và mỗi lần thay đổi tên gọi đều gắn với việc điều chỉnh đường lối công tác thanh niên của Đảng và thay đổi phương thức tổ chức hoạt động của Đoàn. Do vậy, việc tìm hiểu, làm rõ và chính thức hóa tên gọi, tổ chức và hoạt động của Đoàn trong từng thời kỳ có ý nghĩa quan trọng, không chỉ giúp tái hiện trung thực, đầy đủ hơn lịch sử của Đoàn mà còn trực tiếp góp phần vào công tác lãnh đạo thanh niên của Đảng và sự nghiệp giáo dục, rèn luyện thanh niên hiện nay.

Cho đến nay, trong tất cả các công trình nghiên cứu cũng như trong các tài liệu tuyên truyền về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh,

người ta đều thống nhất cho rằng trong thời kỳ từ giữa năm 1936 đến cuối năm 1939, Đoàn mang tên là “*Đoàn Thanh niên dân chủ Đông Dương*” và hoạt động tích cực trong các phong trào đấu tranh do Đảng lãnh đạo, đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ. Tuy nhiên, các nghiên cứu đều không dẫn ra được bất kỳ nguồn thông tin có giá trị xác tín nào để minh chứng cho sự trình bày nói trên. Phải đến năm 2005, các tác giả của *Lịch sử Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Phong trào thanh niên Việt Nam* (1) bổ sung một số thông tin sử liệu mới, nhưng vẫn khẳng định: “Trong thời kỳ 1936 - 1939, Đoàn thanh niên có nhiều tên gọi khác nhau song đều nhằm mục đích đấu tranh đòi các quyền dân sinh dân chủ, vì vậy chúng ta thường gọi tên chung là Đoàn Thanh niên dân chủ” (2).

Trong bài nghiên cứu này, dựa trên các nguồn sử liệu khác nhau, nhưng chủ yếu là dựa vào các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam (CSVN), được công bố trong tập 6 của bộ *Văn kiện Đảng toàn tập* (3), tôi sẽ chỉ ra rằng tên gọi “Đoàn Thanh niên dân

*GS.TS. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQG HN

chúng rộng rãi hơn, không phụ thuộc vào hình thức, không phụ thuộc vào tên gọi” (9).

Riêng đối với tổ chức Đoàn và phong trào thanh niên, Hội nghị cho rằng “*Phải thống nhất phong trào thanh niên*”. Hội nghị thừa nhận thực tế cho đến lúc đó: “Đoàn Thanh niên Cộng sản được tổ chức theo các phương pháp cũ hầu như không khác gì với Đảng. Hơn nữa các điều kiện kết nạp lại rất chặt chẽ, cho nên Đoàn chỉ tổ chức được thiếu số những người trẻ tuổi, số đông thanh niên không được tổ chức, hoặc chịu ảnh hưởng của các đảng cải cách - dân tộc của bọn đế quốc hoặc phong kiến” (10). Để khắc phục tình hình trên và để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong bối cảnh mới, Hội nghị chỉ ra phương hướng tổ chức mới: “Không được quên rằng Đoàn Thanh niên không phải là Đảng. Đây là tổ chức quần chúng, tham gia vào tổ chức này gồm tất cả các tầng lớp thanh niên trong nước, không phân biệt xu hướng chính trị và tôn giáo. Các tầng lớp này phải được tổ chức thành những hội thể thao, các lớp học buổi tối, các hội sinh viên và các hội văn hóa”. Hội nghị cũng nhấn mạnh: “Phải lãnh đạo những quần chúng thanh niên này tranh đấu vì những yêu sách chính trị, kinh tế và văn hóa, chống lại ách áp bức dân tộc và dần dần giáo dục họ chủ nghĩa Mác - Lênin”; “Chỉ trong điều kiện đó Đoàn Thanh niên trong xứ mới có thể thành lực lượng hậu bị của Đảng” (11).

Cuối cùng, Hội nghị cũng chỉ đạo, rằng Đoàn Thanh niên Cộng sản và các Hội Nông dân, Công Hội đỏ, Cứu tế đỏ, Hội phản đế... “phải giữ lại những tên cũ” (12) trong khi tổ chức ra các hội công khai, bán công khai để tập hợp lực lượng từ tất cả các tầng lớp nhân dân.

Như vậy là: Cho tới Hội nghị Trung ương và Ban Chỉ huy ở ngoài tháng 7 năm

1936, Đoàn vẫn mang tên là *Đoàn Thanh niên Cộng sản* [Đông Dương], với nguyên tắc tổ chức và hoạt động đã được bước đầu điều chỉnh theo hướng công khai và bán công khai hóa, linh hoạt, mềm dẻo hơn để tập hợp được đông đảo hơn các tầng lớp thanh niên Việt Nam.

Sau Hội nghị nói trên, Hà Huy Tập được cử về để trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh khôi phục hệ thống tổ chức và lực lượng của Đảng ở trong nước. Ngày 12 tháng 10 năm 1936, Ban Trung ương Đảng được khôi phục, tiếp đó, hệ thống tổ chức của Đảng ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ và một số nơi khác cũng được phục hồi. Lực lượng của Đảng ở các xứ đều từng bước được xây dựng và củng cố (13).

Nhằm đáp ứng đòi hỏi khách quan của phong trào cách mạng trong nước đang dâng lên mạnh mẽ ở Nam Kỳ và nhiều địa phương khác, căn cứ và đường lối mới của Quốc tế Cộng sản, Ban Trung ương Đảng tiếp tục đưa ra những chỉ thị mới nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ và tích cực trong công tác tập hợp và tổ chức quần chúng. Riêng đối với tổ chức Đoàn, tháng 11 năm 1936, Trung ương nhận định: “Ban Trung ương đã có dịp nhận xét rằng thanh niên cộng sản bao gồm một số thành viên luôn luôn thấp hơn số đảng viên. Kết quả đáng thất vọng đó là do ở chỗ đa số các đồng chí chúng ta đã đánh giá thấp công tác trong quần chúng thanh niên và tầm quan trọng của các tổ chức đó” (14).

Để khắc phục tình hình, trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Tây Ban Nha, Ban Trung ương chủ trương: “Để thích hợp với phong trào đó, Ban Trung ương có ý định xóa bỏ các tổ chức Thanh niên Cộng sản và thừa nhận là đảng viên của Đảng ta tất cả các thanh

chủ Đông Dương” hầu như không tồn tại và chắc chắn không phải là tên gọi chính thức mà Đảng Cộng sản Đông Dương (Đảng CSDD) đặt cho tổ chức Đoàn. Đồng thời, tác giả cũng sẽ cố gắng tái hiện lại những nét chính về tổ chức và hoạt động của Đoàn trong thời gian này. Phải nói ngay rằng trong thời kỳ đó, tổ chức, hoạt động và phong trào của Đoàn rất yếu, thua rất xa các tổ chức và phong trào của công nhân, nông dân và phụ nữ. Tôi cũng sẽ cố gắng đưa ra những luận giải về nguyên nhân của tình hình đó.

2. Tên gọi, tổ chức của Đoàn trong thời gian từ 1936 đến 1939

Theo các tài liệu tuyên truyền chính thức và các nghiên cứu về lịch sử Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thì Đoàn ra đời vào ngày 26 tháng 3 năm 1931 theo quyết định của Hội nghị toàn thể lần thứ hai của Ban Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (4). Hội nghị nhận định: “Tổ chức ra Thanh niên Cộng sản Đoàn là một nhiệm vụ thâu phục một bộ phận quan trọng của vô sản giai cấp là một vấn đề cần kíp mà Đảng phải giải quyết. Tuy nhiên hiện đến nay không ở đâu tiến lên được bước nào. Trái lại thái độ trong Đảng lại rất lãnh đạm hững hờ về vấn đề Đoàn lắm” (5). Do đó, Hội quyết định: “Cần kíp tổ chức ra Cộng sản Thanh niên Đoàn, Đảng cần kíp đánh tan cái thái độ hững hờ lãnh đạm đối với vấn đề đó. Lập tức các Đảng bộ địa phương phải mau mau tổ chức những ủy viên tổ chức ra Đoàn, đốc xuất cho chi bộ tổ chức; (...) Trong một thời gian ngắn ngủi tới đây, Đảng bộ các địa phương phải gây ra cơ sở của Đoàn” (6). Như vậy, khi mới ra đời, Đoàn có tên chính thức là “*Cộng sản Thanh niên Đoàn*”, là một tổ chức quần chúng do Đảng Cộng sản Đông Dương lập ra và trực tiếp lãnh đạo.

Đến giữa năm 1936, do yêu cầu mới của tình hình thế giới và trong nước, đồng thời, theo chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Đông Dương đã quyết định điều chỉnh, thay đổi chiến lược và sách lược cách mạng. Dấu mốc khởi đầu cho quá trình đó là cuộc Hội nghị giữa đại diện Ban Trung ương và Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng, diễn ra vào ngày 26 tháng 7 năm 1936 tại Thượng Hải, với sự tham dự của Lê Hồng Phong (Litvinop - Tổng Bí thư của Đảng), Hà Huy Tập (Senitchekin - đứng đầu Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng) và Phùng Chí Kiên (Kan - Ủy viên Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng). Hội nghị đã thảo luận và cân nhắc kỹ cách thức tiếp thu và vận dụng đường lối mới của Quốc tế Cộng sản vào điều kiện cụ thể của cách mạng Đông Dương và đi tới những quyết định quan trọng: “Ban Trung ương, sau khi nghiên cứu những điều kiện chủ quan và khách quan ở Đông Dương, đã đi đến kết luận rằng việc thành lập Mặt trận dân tộc phản đế không thể trì hoãn thêm một phút. Các tổ chức đảng, mỗi một đồng chí phải hết sức chủ động thành lập Mặt trận dân tộc phản đế, nhằm tập hợp tất cả các đảng, tất cả các tầng lớp quần chúng để tranh đấu đòi những yêu sách tối thiểu” (7).

Để thực hiện chiến lược cách mạng mới và hướng tới việc thành lập Mặt trận dân tộc phản đế và làm cho Mặt trận “*trở thành tổ chức công khai nhất của đông đảo quần chúng*”, Hội nghị quyết định “*Phải thay đổi triệt để các phương pháp tổ chức quần chúng*” (8). Phương hướng chung, nguyên tắc tổ chức và hoạt động bao trùm của các tổ chức quần chúng của Đảng trong tình hình mới là: “Phải từ bỏ những hình thức tổ chức thiển cận, bè phái, phải sử dụng mọi khả năng công khai và bán công khai để tổ chức quần

niên tuổi tròn 16 và đã hoàn thành giác ngộ (như những người Bôn-sơ-vich đã làm ở Nga trước cách mạng 1917)” (15). Đồng thời tổ chức ra các tổ chức quần chúng hợp pháp và nửa hợp pháp của thanh niên, như hội tương trợ, thể thao, đọc sách... Ban Trung ương khẳng định: “Tên gọi của các hội đó ít quan trọng. Cái chủ yếu là tranh thủ ủng hộ chúng ta” (16).

Tuy nhiên, dường như chủ trương này không được thích hợp lắm với tình hình và không nhận được sự ủng hộ của đông đảo đảng viên, cho nên sau cuộc Hội nghị cán bộ Đảng vào tháng 3 năm 1937, ngày 20 tháng 3 năm 1937, Ban Trung ương đã ban hành một bản Thông báo gửi đến các cơ sở đảng trong toàn quốc. Theo đó, “Các hội quần chúng cần chỉnh đốn và cải tổ lại cho thích hợp với hoàn cảnh mới, nên các bản điều lệ cũng sẽ phải thay đổi lại; Thanh niên Cộng sản đoàn không có thể đã thủ tiêu hẳn mà không có một tổ chức tương đương thế vào, nên Đảng quyết định lập ra “Đông Dương Thanh niên phản đế đoàn” mà thế cho Thanh niên Cộng sản đoàn” (17).

Tiếp đó, ngày 26 tháng 3 năm 1937, Ban Trung ương Đảng lại cho lưu hành một văn kiện nữa giải thích rõ hơn về đường lối chiến lược, sách lược và các nguyên tắc tổ chức, vận động và lãnh đạo quần chúng đấu tranh của Đảng trong tình hình mới. Trong văn kiện này, Trung ương phân tích, phê bình chủ trương sai lầm của Hội nghị ngày 26 tháng 7 năm 1936: “Ở Đông Dương hồi tháng 7 năm 1936, do sáng kiến và đề nghị của Ban Ngoại quốc (18) mà Ban Trung ương Đảng quyết định thủ tiêu Thanh niên Cộng sản đoàn mà không lập ra một đoàn thể thanh niên cách mạng thế vào, thủ tiêu Thanh niên Cộng sản đoàn rồi cho những phần tử Thanh niên Cộng sản vào Đảng, thế là đảng và đoàn nhập lại làm

một, đó là một điều sai lầm” (19). Theo Ban Trung ương, điều này không đúng với chủ trương của Quốc tế Cộng sản, vả lại, “hiện tại khắp thế giới không có nước nào thủ tiêu hệ thống tổ chức của Thanh niên đoàn cả” (20). “Vì lẽ đó mà hiện thời Ban Trung ương đã quyết định lập ra “Đông Dương Thanh niên phản đế đoàn” thế cho Thanh niên Cộng sản đoàn” (21).

Văn kiện trên đây là một sử liệu rất quan trọng đối với việc nghiên cứu lịch sử Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong thời gian 1936-1937. Nó khẳng định chắc chắn một số sự thật bấy lâu chưa bao giờ được làm rõ.

Thứ nhất, trong khi tiếp nhận và vận dụng đường lối mới của Quốc tế Cộng sản vào thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Ban Trung ương và Ban Chỉ huy ở ngoài đã gặp nhiều khó khăn nan giải, lúng túng, đặc biệt là vấn đề tổ chức quần chúng, trong đó có Đoàn thanh niên.

Thứ hai, trong thời gian từ tháng 7 năm 1936 đến tháng 3 năm 1937, lãnh đạo Đảng CSDD đã quyết định giải tán Đoàn Thanh niên cộng sản, và không lập ra bất kỳ tổ chức nào thay thế cho nó. Đối với việc này Ban Trung ương Đảng không đồng ý.

Thứ ba, đến khoảng giữa tháng 3 năm 1937, Ban Trung ương Đảng đã quyết định lập ra *Đông Dương Thanh niên phản đế đoàn* là tổ chức thay thế cho Thanh niên Cộng sản Đoàn.

Văn kiện nói trên của Ban Trung ương cũng xác định rõ tính chất và nhiệm vụ của *Đông Dương Thanh niên phản đế đoàn*: “Thanh niên phản đế là một đoàn thể cách mạng, tuy nhiên phải có tính chất quần chúng, phải bao gồm nhiều hội viên mới được (...). Thanh niên đoàn chẳng những phải lo các vấn đề chánh trị mà thôi, mà còn phải làm thế nào mà lãnh đạo các lớp thanh niên tranh đấu đòi

quyền lợi kinh tế, văn hóa, xã hội, thể dục,... cho các lớp thanh niên” (22).

Những văn kiện ban hành vào tháng 3 năm 1937 đánh dấu một bước chuyển biến mới trong chủ trương và chính sách của Đảng CSDD đối với Đoàn Thanh niên. Song, các vấn đề phức tạp còn vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Giữa lúc phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân đang dâng lên sục sôi khắp cả ba Kỳ và đang đạt tới cao trào với hàng trăm cuộc bãi công của công nhân, hàng trăm cuộc biểu tình của nông dân và các tầng lớp nhân dân khác ở cả nông thôn và thành thị, nhưng phong trào thanh niên do Đoàn tổ chức và lãnh đạo hầu như vắng bóng hoàn toàn. Lực lượng quần chúng được tổ chức dưới danh nghĩa của Đoàn Thanh niên cũng vô cùng nhỏ bé. Một báo cáo của Trung ương Đảng gửi cho Quốc tế Cộng sản vào tháng 9 năm 1937 cho biết: Trong khi các tổ chức công hội có 5.070 hội viên, các tổ chức nông hội có 9.000 hội viên, các tổ chức phụ nữ có 1.200 hội viên thì các tổ chức thanh niên chỉ có 275 hội viên (23). Trước tình hình đó, Hội nghị mở rộng của Ban Trung ương Đảng họp vào tháng 9 năm 1937 tiếp tục bàn bạc và có chỉ đạo cụ thể cho công tác lãnh đạo Đoàn thanh niên: “... phải hết sức tổ chức các hội quần chúng phổ thông cho thanh niên (như thanh niên dân chủ, tân tiến, thể thao, khuyến học...), phải lợi dụng đủ các hình thức công khai và bán công khai để thu phục quảng đại quần chúng thanh niên. Muốn làm trọn được nhiệm vụ tổ chức thanh niên, Đảng phải đặc biệt phái một số am hiểu tình hình, xu hướng, nguyện vọng của thanh niên phụ trách về công tác ấy” (24).

Đáng lưu ý: đây là lần đầu tiên một văn kiện của Đảng nhắc tới tên gọi “*Thanh niên dân chủ*”, nhưng đó cũng chỉ là một trong

các tổ chức quần chúng của thanh niên được Đảng gợi ý thành lập ra mà thôi.

Tuy Hội nghị Trung ương mở rộng của Ban Trung ương đã quyết nghị như vậy, nhưng thực chất việc lãnh đạo công tác thanh niên của Đảng cho đến tháng 9 năm 1937 vẫn còn lúng túng, thậm chí là rơi vào bế tắc. Bản “*Báo cáo của Hội nghị toàn thể Đảng Cộng sản Đông Dương gửi Ban Trung ương Quốc tế Cộng sản*” đã cho thấy rất rõ sự thật này. Theo đó, “Ban Trung ương đã và đang kịch liệt phản đối việc giải thể Thanh niên Cộng sản đoàn mà không có một tổ chức bất hợp pháp khác tương tự của thanh niên như là đội tiên phong lãnh đạo của thanh niên” (25); bởi vì: “Chúng tôi nghĩ rằng giải thể Thanh niên Cộng sản đoàn mà không tổ chức một Liên đoàn chống đế quốc của thanh niên để thay thế, là một sự nguy hiểm lớn đối với phong trào thanh niên” (26). Do đó, “Ban Trung ương đã quyết định tổ chức ra những tổ chức quần chúng của thanh niên, ví như: thanh niên dân chủ, thanh niên tiến bộ, thanh niên thể thao, hội sinh viên,... để thu nạp được tất cả các hạng thanh niên. Đồng thời, Ban Trung ương muốn tổ chức Liên đoàn chống đế quốc của thanh niên để xây dựng một đội dự bị cho Đảng và những cán bộ lãnh đạo cho hoạt động quần chúng trong thanh niên” (27).

Tuy đã quyết định như vậy, nhưng Ban Trung ương Đảng chưa thể yêu cầu các cấp bộ đảng triển khai thực hiện chủ trương này, bởi nó bị Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng kiên quyết phản đối, do lo ngại điều này có thể trái với đường lối của Quốc tế Cộng sản. Vì vậy, sau Hội nghị tháng 9 năm 1937, Ban Trung ương phải gửi báo cáo để xin chỉ thị của Quốc tế Cộng sản:

“Nhưng trước khi thực hiện, Ban Trung ương chờ quyết định của các đồng chí. Có

nên giải thể Thanh niên Cộng sản đoàn mà không thành lập Liên đoàn chống đế quốc của thanh niên không? Hoặc có nên tổ chức một tổ chức khác của thanh niên, với một tính chất chính trị và với một tên khác, để thay cho Thanh niên Cộng sản đoàn không? Hoặc là có nên, ngoài Liên đoàn chống đế quốc của thanh niên, tổ chức nhiều tổ chức hợp pháp khác của thanh niên không? Hoặc là các đồng chí cho phép Đảng chúng tôi thay đổi các hình thức tổ chức ở trong nội bộ Đảng cũng như trong hoạt động quần chúng, tùy theo những điều kiện cụ thể của đất nước?" (28).

Như vậy, cho tới tháng 9 năm 1937, chủ trương của Đảng về phương hướng tổ chức, hoạt động và cả tên gọi của tổ chức thanh niên vẫn chưa được giải quyết triệt để, vẫn lúng túng và bế tắc.

Đến đầu năm 1938 Trung ương Đảng vẫn không nhận được bất kỳ ý kiến chỉ đạo nào của Quốc tế Cộng sản. Hội nghị toàn thể Trung ương họp từ ngày 20 đến ngày 30 tháng 3 năm 1938 quyết định đưa ra giải pháp cuối cùng cho công tác thanh niên của Đảng.

Về tình hình công tác thanh niên lúc đó, Trung ương Đảng nhận định: "Thanh niên vận động kém hơn các giới quần chúng khác. Về thanh niên vận động cả toàn Đông Dương mà chỉ tổ chức được 487 người trong 4 tỉnh" (29). Trong khi đó, số lượng hội viên chính thức của các tổ chức công nhân là 5.522 người, của các tổ chức nông dân là 26.558 người, còn hội phụ nữ là 2.342 người (30).

Hội nghị Trung ương nhận định: "Vấn đề thanh niên là quan trọng cho cuộc cách mạng vận động nhưng tới nay chưa có một cơ sở tổ chức của thanh niên. Đó là một khuyết điểm rất lớn của Đảng, cũng vì: 1) Các đảng bộ ít chú trọng đến vấn đề vận

động và huấn luyện thanh niên hơn các giới vận động khác; 2) Các đảng bộ ít chú ý thi hành bản nghị quyết của khóa đại hội nghị của Trung ương về việc tổ chức thanh niên" (31).

Trong khi không hề nhận được ý kiến chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị đã phải dựa vào "nghị quyết của thế giới đại hội lần thứ VI của Quốc tế Cộng sản Thanh niên", và căn cứ vào đòi hỏi của thực tiễn cách mạng Việt Nam mà đưa ra quyết định: "Phải tổ chức một đoàn thể thanh niên có tính chất chính trị và quần chúng rộng rãi, tức là *Thanh niên Tân tiến hội* để thế cho Thanh niên Cộng sản đoàn, đảng giúp Đảng phụ trách vận động các đám thanh niên" (32).

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương tháng 3 năm 1938 cũng đưa ra những chỉ dẫn cụ thể cho công tác thanh niên của toàn Đảng: "Đảng phải khôn khéo làm đảng đoàn trong các đoàn thể thanh niên để lần lượt huấn luyện họ về chính trị giác ngộ; Phải tùy theo tâm lý, trình độ mà đưa khẩu hiệu cho thích hợp với quyền lợi của họ mà hiệu triệu họ vào các hội thông thường theo lối công khai và bán công khai, như hội đá banh, đọc báo, âm nhạc, (...); Đảng phải tổ chức một ủy ban chuyên môn vận động thanh niên theo kế hoạch của Đảng" (33).

Ban Trung ương Đảng cũng đặc biệt lưu ý các cấp bộ đảng đề phòng xu hướng hữu khuynh hoặc tả khuynh trong vận động và tổ chức thanh niên. Báo cáo Quốc tế Cộng sản, Ban Trung ương Đảng khẳng định: "Từ rầy về sau, chắc rằng thanh niên vận động sẽ không bỏ lỏng lơ như vậy nữa, vì đã có hội Thanh niên Tân tiến (thế Thanh niên Cộng sản đoàn) phụ trách vận động giới ấy rồi. Đảng chỉ làm kẻ lãnh đạo chính trị cho Thanh niên Tân tiến, còn đứng về mặt tổ chức thì sẽ để cho hội ấy được tự trị và theo nguyên tắc dân chủ hoàn toàn" (34).

Như vậy, tới Hội nghị toàn thể Trung ương tháng 3 năm 1938, những vấn đề lúng túng và bế tắc bấy lâu về chủ trương vận động thanh niên, lãnh đạo, tổ chức hoạt động của thanh niên mới được cơ bản tháo gỡ. Tên gọi chính thức của tổ chức thanh niên thay thế cho Thanh niên Cộng sản đoàn được quyết định chính thức là *Thanh niên Tân tiến hội*. Mối quan hệ giữa Đảng và Hội cũng được xác định rõ ràng, và Hội được xác định là một tổ chức rộng rãi, nhằm tập hợp đông đảo nhất thanh niên thuộc tất cả các tầng lớp khác nhau, cùng tranh đấu dưới ngọn cờ của Đảng, vì các quyền tự do, dân sinh, dân chủ tối thiểu, trong đó có các quyền và lợi ích đặc thù của giới trẻ.

Sau Hội nghị Trung ương Đảng tháng 3 năm 1938 cho tới trước Hội nghị Trung ương tháng 11 năm 1939 (Hội nghị Trung ương lần thứ 6), Đảng không có chủ trương nào khác nữa về công tác thanh niên trong thời kỳ 1936-1939. Trong hệ thống văn kiện của Đảng, chỉ duy nhất có bản "Báo cáo về Hội nghị toàn thể Xứ ủy Nam Kỳ" (Hội nghị này diễn ra tại Sài Gòn từ ngày 5 đến ngày 7 tháng 2 năm 1939), có ghi lại một dòng quyết nghị như sau: "Thay đổi tên của Đoàn "Thanh niên Tân tiến" thành "Thanh niên dân chủ" (35). Đây là một tài liệu của một xứ ủy, chưa cho phép chúng tôi xác định được nó có phản ánh trung thực đến đâu chủ trương chung của toàn Đảng khi đó.

3. Nguyên nhân chính của những bước thăng trầm trong tổ chức, hoạt động của Đoàn và phong trào thanh niên Việt Nam thời kỳ 1936-1939

Thời gian 1936-1939 là một thời kỳ đặc biệt trong lịch sử dân tộc và lịch sử cách mạng Việt Nam. Đây là khoảng thời gian, do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan thuận lợi mà Đảng CSDD đã kịp thời

chuyển hướng chiến lược, thay đổi phương thức tổ chức và vận động, tập hợp được một lực lượng quần chúng vô cùng đông đảo, gồm hàng triệu người thuộc nhiều tầng lớp nhân dân ở cả thành thị và nông thôn, trên cơ sở đó lãnh đạo được một cao trào đấu tranh rất sôi nổi, mạnh mẽ đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ sục sôi trong suốt hơn 3 năm (1936-1939). Trong quá trình đó, phong trào công nhân Việt Nam đã đạt tới đỉnh cao nhất của toàn bộ thời kỳ cận đại với trên dưới 800 cuộc đấu tranh, nhiều cuộc giành được thắng lợi. Phong trào nông dân cũng đạt tới độ cao trào, tuy không quyết liệt như thời kỳ 1930-1931, nhưng lại rộng khắp, phong phú hơn, đạt được nhiều thành công thiết thực hơn. Phong trào phụ nữ, sinh viên, học sinh, trí thức, tiểu thương, thợ thủ công... cũng có những bước tiến đáng kể với những bản sắc và dấu ấn riêng (36).

Trong khi đó thì phong trào thanh niên, đặc biệt là phong trào đấu tranh do tổ chức Đoàn khởi xướng và lãnh đạo, hầu như hoàn toàn vắng bóng. Đây là một sự thật lịch sử được lãnh đạo Đảng CSDD xác nhận nhiều lần trong các văn kiện chính thức, quan trọng của Đảng ban hành trong thời kỳ 1936-1939.

Đó thực sự là một hiện tượng lịch sử bất thường, trái hẳn với bản chất hăng hái, xung phong, xung kích của lực lượng thanh niên cách mạng quy tụ trong tổ chức Đoàn do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Trước khi đi sâu lý giải về nguyên nhân dẫn đến hiện tượng bất thường nói trên, cần phải khẳng định một sự thật lịch sử quan trọng là: trong hầu hết tất cả các phong trào, các cuộc vận động, các làn sóng đấu tranh sục sôi, rộng khắp của nhân dân Việt Nam từ 1936 đến 1939, thành phần tham gia tích cực nhất, đông đảo nhất

chính là thanh niên Việt Nam. Tuyệt đại đa số các cán bộ lãnh đạo chủ chốt nhất của cao trào cách mạng hồi đó đều còn khá trẻ. Nhiều tuổi nhất là Nguyễn An Ninh (sinh năm 1900), Trần Huy Liệu (1901) và Lê Hồng Phong (1902), còn phần lớn đều ở độ tuổi trên dưới 30 (Hà Huy Tập (1906), Trường Chinh (1907), Võ Nguyên Giáp (1911), Nguyễn Văn Cừ (1912),... Tuyệt đại đa số những quần chúng tham gia trong các phong trào Đông Dương đại hội, biểu tình “đón rước” Justin Godart, bãi công, bãi thị, phong trào hướng đạo sinh, phong trào ánh sáng, phong trào truyền bá chữ quốc ngữ, chống hủ tục, đòi chia công điền... đều ở trong độ tuổi thanh niên. Cho nên, khi nói phong trào thanh niên trong thời kỳ này yếu kém, thiếu bản sắc riêng chỉ là nói đến sự vắng bóng của các phong trào do các tổ chức thanh niên khởi xướng và tổ chức mà thôi.

Về nguyên nhân trực tiếp của hiện tượng trên, theo nhận định của Ban Trung ương Đảng tại các hội nghị Trung ương từ năm 1936 đến năm 1938, thì trước hết nằm ở sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động thanh niên. Đảng đã nghiêm khắc chỉ ra hiện tượng các cấp bộ Đảng thiếu quan tâm, “bỏ lỏng lơ” công tác thanh niên, và thừa nhận đó là “một khuyết điểm rất lớn của toàn Đảng” (37).

Cụ thể hơn, trong suốt thời gian từ 1936 đến 1938, Đảng đã không đưa ra được một chủ trương nhất quán để lãnh đạo công tác thanh niên và Đoàn thanh niên. Qua theo dõi liên tục các hội nghị Trung ương từ tháng 7 năm 1936, đến tháng 3 và tháng 9 năm 1937, rồi đến tháng 3 năm 1938, có thể thấy rõ việc Ban Trung ương không thể đi đến kết luận cho việc có giải tán hay không tổ chức Thanh niên Cộng sản đoàn vốn được thành lập trong thời kỳ cách

mạng trước (1930-1936); và nếu có giải tán tổ chức đó thì có thành lập hay không một tổ chức khác của riêng thanh niên; và nếu có thành lập thì tổ chức đó có tên gọi là gì, hình thức tổ chức và hoạt động ra sao? Chừng nào các vấn đề nói trên không thể giải quyết thấu đáo được thì không thể đưa công tác thanh vận của Đảng theo kịp với yêu cầu của tình hình.

Nguyên nhân sâu xa của hiện tượng trên là sự không thống nhất trong hàng ngũ lãnh đạo cao nhất của Đảng, cụ thể là giữa Ban Trung ương do Hà Huy Tập đứng đầu và Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng do Lê Hồng Phong đứng đầu về vấn đề tiếp thu và vận dụng đường lối mới của Quốc tế Cộng sản vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Trong số nhiều điểm khác biệt, xung khắc với nhau, thì vấn đề phương pháp và hình thức tổ chức và hoạt động của các tổ chức quần chúng là vấn đề gay go, phức tạp nhất. Báo cáo của Hội nghị toàn thể Đảng CSDD gửi Ban Trung ương Quốc tế Cộng sản vào đầu tháng 9-1937 xác nhận thực tế: “Về vấn đề tổ chức quần chúng, đã nổ ra một cuộc đấu tranh rất quyết liệt giữa Ban Chỉ huy ở ngoài và Ban Trung ương” (38).

Có nhiều điểm khác biệt khiến cho hai bên đấu tranh không khoan nhượng với nhau, nhưng *mấu chốt nhất là vấn đề phương pháp tổ chức và hoạt động của các tổ chức quần chúng của Đảng*. Lê Hồng Phong và Ban Chỉ huy ở ngoài chủ trương kiên quyết vận dụng chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, “thay đổi triệt để các phương pháp tổ chức quần chúng (...) từ bỏ những hình thức tổ chức thiên cận, bè phái, phải sử dụng mọi khả năng công khai và bán công khai, để tổ chức quần chúng rộng rãi hơn” (39).

Trong khi đó, Ban Trung ương Đảng do Hà Huy Tập đứng đầu, một mặt không phản đối đường lối, chiến lược, sách lược

mới của Quốc tế Cộng sản. Nghị quyết của Hội nghị Trung ương mở rộng tháng 9-1937 cũng chỉ rõ thực tế là: “*Đảng ta còn mắc phải nhiều cái bệnh biệt phái, hẹp hòi*”; và khẳng định: “*Đảng cần phải tẩy rửa cho sạch cái bệnh biệt phái ấy*” (40). Thời các tổ chức quần chúng mới hết sức phát triển được và Đảng mới thu phục được các lớp quảng đại nhân dân theo ảnh hưởng của mình” (40). Mặt khác, Ban Trung ương và cá nhân Tổng Bí thư Hà Huy Tập không những chỉ không đồng ý mà còn phản đối quyết liệt chủ trương của Lê Hồng Phong và Ban Chỉ huy ở ngoài đưa ra công khai và bán công khai tất cả các tổ chức và hoạt động của Đảng cũng như của các tổ chức quần chúng của Đảng. Báo cáo của Ban Chỉ huy ở ngoài gửi Quốc tế Cộng sản cho biết: “*Ngay cả đồng chí Senitchekine, Tổng Thư ký lâm thời cũng có ý kiến như vậy và cho rằng ‘kẻ nào nói ở Đông Dương có khả năng tổ chức quần chúng một cách hợp pháp thì kẻ đó là một người không tưởng, một người đứng ngoài thực tế’*” (41). Hà Huy Tập cho rằng, chủ trương của Ban Chỉ huy ở ngoài là “*thủ tiêu chủ nghĩa*”, là hữu khuynh và “*mensovich*” (42).

Ban Trung ương và Tổng Bí thư Hà Huy Tập chủ trương vận dụng đường lối, chiến lược và sách lược mới của Quốc tế Cộng sản vào điều kiện cụ thể của Việt Nam và Đông Dương như sau: “*Chúng ta phải lợi dụng hết các hoàn cảnh công khai và bán công khai mà tổ chức quần chúng*”. Tuy nhiên, Ban Trung ương và Hà Huy Tập cũng cho rằng chỉ nên đưa tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng và của Đảng ra công khai ở những nơi nào có điều kiện, còn nơi nào chưa có điều kiện thì vẫn phải duy trì tổ chức và hoạt động theo lối bí mật. Ban Trung ương lập luận: “*Đứng trong những hoàn cảnh đặc biệt chưa có thể tổ chức được theo lối công khai và bán công khai mà*

Đảng cứ ra mạng lệnh phải tổ chức như thế thì chẳng khác gì Đảng tự đưa quần chúng vào đường khủng bố; còn nếu công khai và bán công khai không được mà Đảng cấm tổ chức bí mật thì cũng như bảo quần chúng bó tay lại đừng hoạt động. Nói tóm lại, Đảng không cấm tổ chức bí mật, nhưng hình thức tổ chức này là đặc biệt, nghĩa là chỉ dùng trong hoàn cảnh nào mà không có thể hay chưa có thể tổ chức được theo lối công khai và bán công khai” (43). Do vậy, chủ trương của Ban Trung ương và Hà Huy Tập là: “*Đảng phải dùng tất cả ba hình thức (...) hợp pháp, bán hợp pháp và bất hợp pháp*” (44).

Quan điểm và chủ trương như trên của Ban Trung ương và Hà Huy Tập có thể chưa hoàn toàn phù hợp với đường lối của Quốc tế Cộng sản và chỉ đạo của Ban Chỉ huy ở ngoài, song chắc chắn là phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam khi đó. Tuy nhiên, quan điểm và chủ trương này bị Lê Hồng Phong và Ban Chỉ huy ở ngoài quy kết là “*tiếp tục chủ nghĩa biệt phái, là phát triển chủ nghĩa biệt phái*” (45). Trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, Lê Hồng Phong viết: “*Các đồng chí ấy không lấy lợi ích của Đảng làm cơ sở và không hiểu tinh thần các nghị quyết của Quốc tế Cộng sản và chỉ nói đến nguyên tắc một cách máy móc*” (46).

Những sự khác biệt về tư tưởng chiến lược và sách lược của các nhóm cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng đều bắt nguồn từ tinh thần nghiêm túc nhất, trách nhiệm cao nhất trước vận mệnh của Đảng và vận mệnh của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, sự nghiêm túc và thận trọng đó đã dẫn đến sự bất đồng, xung đột kéo dài, chậm được giải quyết, chắc chắn có tác động tiêu cực đến quá trình Đảng xác lập đường lối mới, lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng Việt Nam trong thời kỳ 1936 -1939 nói chung, trong

đó có công tác vận động, tổ chức và lãnh đạo thanh niên.

Đối với công tác thanh niên, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng kiên quyết yêu cầu giải tán Thanh niên Cộng sản đoàn. Trong khi đó, Hà Huy Tập và đa số Ủy viên Trung ương lại phản đối chủ trương nói trên. Lúc đầu họ cho rằng không cần thiết phải giải tán Thanh niên Cộng sản đoàn, bởi vì Quốc tế Cộng sản không yêu cầu việc đó, hơn nữa, ở nhiều nước khác, các tổ chức thanh niên cộng sản vẫn tiếp tục tồn tại và hoạt động. Đến Hội nghị Trung ương tháng 9 năm 1937, thì Ban Trung ương nhượng bộ một bước, đồng ý giải tán Thanh niên Cộng sản đoàn, nhưng phải thành lập Liên đoàn chống đế quốc của thanh niên - một tổ chức bất hợp pháp, hoạt động bí mật để thay thế cho Thanh niên Cộng sản đoàn. "Trong số tám ủy viên của Ban Trung ương dự hội nghị thì sáu là những người đồng ý" với chủ trương trên (47).

Do không giải quyết được bất đồng nội bộ về vấn đề lãnh đạo công tác thanh niên, Ban Trung ương lại phạm tiếp một sai lầm là gửi báo cáo và chờ đợi quyết định của Quốc tế Cộng sản. Sự thụ động, lệ thuộc vào Quốc tế Cộng sản khiến cho công tác thanh niên của Đảng tiếp tục bị "bỏ lỏng lơ" và rơi vào bế tắc.

Phải tới Hội nghị Trung ương cuối tháng 3 năm 1938, những xung đột gay gắt và kéo dài giữa Ban Chỉ huy ở ngoài với Ban Trung ương của Đảng mới được giải quyết. Ban Trung ương, với Tổng Bí thư mới là Nguyễn Văn Cừ đã quyết định một mặt vẫn gửi báo cáo, song không thụ động ngồi chờ ý kiến chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, mà chủ động giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra cho Đảng. Riêng đối với vấn đề thanh niên, Ban Trung ương đã quyết định lập ra *Thanh niên Tân tiến hội*, vừa đáp

ứng yêu cầu là một tổ chức chính trị của thanh niên do Đảng lãnh đạo, vừa là tổ chức quần chúng rộng rãi, tập hợp, giáo dục và lãnh đạo thanh niên đấu tranh vì các quyền lợi thiết thực của thanh niên.

Chỉ tiếc rằng đến thời điểm đó, cao trào cách mạng của nhân dân Việt Nam đã đến mức tới hạn, đang chững lại để rồi sẽ suy yếu dần vào cuối năm 1938. Phong trào thanh niên chỉ còn rất ít cơ hội để khẳng định vị thế và tầm vóc của mình.

4. Nhận định và bài học kinh nghiệm

Việc công bố bộ *Văn kiện Đảng toàn tập* có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ đối với các nghiên cứu về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam mà còn rất có ý nghĩa đối với việc nghiên cứu về lịch sử các tổ chức quần chúng của Đảng, trong đó có lịch sử Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Dựa trên các thông tin từ nguồn sử liệu này, đối chiếu và bổ sung thông tin với các nguồn thông tin khác, cho phép chúng ta nhận thức đầy đủ và chân thực hơn về một thời kỳ đặc biệt trong lịch sử Đoàn - thời gian từ tháng 7 năm 1936 đến tháng 9 năm 1939. Nhiều nhận thức mới đã được bổ sung, trong đó có một số nhận thức mới thực sự quan trọng, xét trên nhiều phương diện.

Thứ nhất, về tên gọi, việc từ trước đến nay các tài liệu tuyên truyền chính thức và các công trình nghiên cứu đều gọi tổ chức Đoàn trong thời kỳ này là "*Đoàn Thanh niên dân chủ Đông Dương*" là không có cơ sở chắc chắn. Tên gọi này chỉ duy nhất một lần được nhắc đến trong biên bản một cuộc hội nghị của Xứ ủy Nam Kỳ vào tháng 2 năm 1939 mà thôi. Còn trước đó, "*Thanh niên dân chủ*" chỉ được nhắc đến trong các văn kiện của Đảng như là một trong nhiều hình thức tổ chức quần chúng của thanh niên.

Trong khi đó, các văn kiện của Đảng thời kỳ này nhiều lần khẳng định các tên

gọi như “*Đông Dương Thanh niên phản đế đoàn*” hoặc “*Liên đoàn chống đế quốc của thanh niên*” là các tên gọi của tổ chức được Ban Trung ương Đảng đề nghị thành lập ra để thay thế cho Thanh Niên Cộng sản đoàn. Đến cuối tháng 3 năm 1938 thì “*Thanh niên Tân tiến hội*” được xác định là tên gọi chính thức của tổ chức Đoàn thanh niên do Ban Trung ương Đảng quyết định lập ra và báo cáo với Quốc tế Cộng sản. Tên gọi này nên được công nhận như là tên gọi chính thức của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong thời kỳ 1936-1939.

Thứ hai, về tổ chức, trong thời kỳ 1936-1939, Trung ương Đảng đã không ngừng nghiên cứu, tranh đấu để tìm ra được một hình thức tổ chức phù hợp nhất cho Đoàn. Đây là công việc rất khó khăn phức tạp, vì Đảng và các tổ chức quần chúng đều phải trải qua một bước chuyển đổi nguyên tắc tổ chức rất lớn, từ chỗ các tổ chức hoàn toàn bí mật, bất hợp pháp, tuân thủ những nguyên tắc chính trị cực kỳ khắt khe nhằm đối phó với các thủ đoạn đàn áp khốc liệt của thực dân Pháp và Nam triều. Giờ đây, trong điều kiện mới, dưới sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, tổ chức của Đảng, Đoàn và các tổ chức quần chúng khác phải đổi mới để tranh thủ các điều kiện công khai, hợp pháp, bán công khai và bán hợp pháp để mở rộng ảnh hưởng và tập hợp đông đảo nhất quần chúng nhân dân. Nhưng có duy trì hay không hệ thống tổ chức bí mật, bất hợp pháp, và mối quan hệ giữa hệ thống này với các tổ chức công khai thế nào? Đó là câu hỏi có tính chất sống còn đối với Đảng, Đoàn và toàn bộ sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Vì tính chất hệ trọng nhưng nan giải như vậy mà việc xác định tên gọi và nguyên tắc tổ chức cho đoàn thanh niên thời kỳ này gặp nhiều khó khăn, kéo dài. Chính điều này cũng khiến cho hệ thống tổ chức của Đoàn trong suốt thời gian từ 1936 đến 1939 chưa bao giờ đạt tới quy mô toàn quốc. Lực lượng của tổ chức thanh niên cũng mỏng yếu, nhỏ bé hơn nhiều so với các tổ chức quần chúng khác của Đảng. Điều này đã ảnh hưởng khá lớn đến phong trào đấu tranh của thanh niên Việt Nam dưới danh nghĩa tổ chức đoàn thanh niên.

Thứ ba, về bài học kinh nghiệm, có lẽ quan trọng nhất là bài học độc lập, tự chủ về đường lối lãnh đạo của Đảng. Do điều kiện quốc tế lúc đó mà liên lạc giữa Quốc tế Cộng sản và Đảng CSDD bị gián đoạn nghiêm trọng. Trong suốt thời gian từ tháng 7 năm 1936 đến tháng 9 năm 1939 hầu như Đảng không còn nhận được chỉ thị nào từ Matxcova. Thế mà đối với vấn đề thanh niên, Đảng đã thụ động chờ đợi ý kiến của Quốc tế Cộng sản, do đó đã làm cho việc giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra quá chậm.

Đối với tổ chức Đoàn, bài học tích cực, chủ động và sáng tạo càng quan trọng hơn. Và bài học đó vẫn còn nguyên giá trị đối với sự phát triển và trưởng thành của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong tất cả các giai đoạn cách mạng sau này, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, khi tổ chức Đoàn phải thực sự là tổ chức tập hợp, rèn luyện cho hàng triệu thanh niên Việt Nam vững vàng, xung kích và sáng tạo trong thời kỳ đổi mới và chủ động hội nhập quốc tế.

CHÚ THÍCH

- (1). Văn Tùng (chủ biên), *Lịch sử Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Phong trào thanh niên Việt Nam*, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 2005.
- (2). Văn Tùng, sdd, tr. 72.
- (3). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
- (4). Văn Tùng, *Lịch sử Đoàn...*, sdd, tr. 65-66. Tuy nhiên, về vấn đề này đã từng có những ý kiến khác nhau. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề sự ra đời của Đoàn trong một bài nghiên cứu khác.
- (5), (6). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 91, 98-99.
- (7), (8), (9). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr.80, 81-84, 85.
- (10), (11). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr. 86, 86.
- (12), (13). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr.90, 300.
- (14). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr.176.
- (15). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr. 177, PHT nhấn mạnh.
- (16). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr. 177. Chắc chắn văn kiện này là của Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng, nhưng vẫn mang danh nghĩa Ban Trung ương (như tất cả các văn kiện khác do Ban ban hành từ khi thành lập vào năm 1932). Sau đó, Ban Trung ương cho biết chủ trương giải tán Thanh niên Cộng sản đoàn là của Ban Chỉ huy ở ngoài, không phải của Trung ương.
- (17). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr. 212, PHT nhấn mạnh.
- (18). Tức là Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng.
- (19), (20), (21), (22). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr. 235, 235, 235, 236, 304, 291.
- (23). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr. 305.
- (24), (25), (26), (27), (28). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr. 307, 307, 307-308, 373-374, 374-375.
- (29). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr. 356.
- (30), (31), (32), (33), (34). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr. 374-375, 356, 356, 356-357, 374.
- (35). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr. 446.
- (36). Xem: Phạm Hồng Tung, *Lịch sử cuộc vận động vì các quyền dân sinh, dân chủ ở Việt Nam 1936-1939*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008.
- (37). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr. 356 và 374.
- (38), (39), (40). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr.304.
- (41), (42), (43). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr.304.
- (44), (45), (46). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr.304.
- (46). Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr.304.
- (47). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.6, tr. 305. Hai người không đồng ý là Nguyễn Thị Minh Khai và Phùng Chí Kiên, đại diện Ban Chỉ huy ở ngoài về dự Hội nghị.